TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

2. Ông Cao Văn Chuộng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị U

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trần Bá H

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tạ Thị U trình bày: Bà và ông Trần Bá H chung sống với từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống, bà và ông H có 01 con chung tên Trần Diễm M, giới tính: Nữ, sinh năm 1990. Hiện con đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Trần Bá H quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Bà Tạ Thị U, ông Trần Bá H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Bá H, hiện tại có nơi cư trú ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Bà Tạ Thị U, ông Trần Bá H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông H chung sống với nhau từ năm 1989, nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn và có 01 con chung là Trần Diễm M, sinh năm 1990. Tuy ông H chưa có ý kiến gì nhưng căn cứ giấy khai sinh tên Trần Diễm M, trong phần tên cha ghi là Trần Bá H, tên mẹ ghi là Tạ Thị U. Do đó có căn cứ xác định bà U và ông H đã từng chung sống với nhau như vợ chồng. Do cả hai chung sống không tiến hành đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà là không hợp pháp. Bà U có yêu cầu ly hôn nên căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Tạ Thị U và ông Trần Bá H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Đã trưởng thành nên bà U không có yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Thị U phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tạ Thị U và ông Trần Bá H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Tạ Thị U phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai thu số 0012476 ngày 29/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Bà U không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Tạ Thị U, ông Trần Bá H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn